

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 13 ngày 12 và 13 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44/50 tiêu chí (chiếm 88,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học (chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Công nghệ GTVT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,60	3	60,00
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	3			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	4,00	6	100
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	3			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,88	44	88,00

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Thương mại điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, nêu cụ thể các loại kiến thức đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, đạo đức đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai của người học. Chuẩn đầu ra phù hợp và tương thích với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phản ánh được yêu cầu của nhà tuyển dụng và thị trường lao động, được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch, được công bố công khai ở nhiều dạng và qua các kênh khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có các nội dung cần thiết theo quy định, có bảng mô tả quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra và ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra, được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Tất cả các đề cương học phần trong CTĐT có đầy đủ các thông tin cơ bản và cần thiết, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

3. Chương trình dạy học được thiết kế theo yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Xác định tổ hợp các phương pháp/hoạt động giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học có tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, cân đối và liên mạch, được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật theo quy định, có khảo sát ý kiến của các bên liên quan và tham khảo một số CTĐT trong nước.

4. Trường có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục, được phổ biến tới các bên liên quan để thực hiện. Tất cả các đề cương học phần đều nêu các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học. Giảng viên sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học; khuyến khích, tạo

điều kiện thúc đẩy người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác để rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

5. Các hình thức/phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra, bao gồm các phương pháp đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đề cương học phần xác định rõ ràng về thời gian, hình thức/phương pháp kiểm tra đánh giá quá trình và cuối kỳ theo từng tuần học, có tiêu chí, trọng số/tỷ lệ % số điểm đối với từng loại bài kiểm tra và điểm cuối kỳ. Các quy định, biểu mẫu, đề cương học phần với nội dung liên quan về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phúc khảo và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học qua nhiều hình thức. Các quy định về kiểm tra đánh giá khá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng; có ngân hàng đề thi, phiếu hướng dẫn đánh giá thực tập, khóa luận; đề thi có đáp án rõ ràng đảm bảo độ tin cậy. Người học được phản hồi về kết quả đánh học tập, được thông báo đầy đủ kết quả các môn thi theo quy định, thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được người học sử dụng để cải thiện việc học tập.

6. Đã ban hành khá đầy đủ các văn bản về công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên; năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm và có đánh giá. Có quy định cụ thể về loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Đã ban hành các văn bản về chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên; thực hiện các chế độ, chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cả về số lượng lẫn chất lượng. Công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhân viên tiến hành theo quy trình khảo sát nhu cầu, lên kế hoạch, thực hiện.

8. Đề án tuyển sinh được công bố công khai tới các bên liên quan với nhiều hình thức; chính sách và quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đúng quy định, được rà soát, đánh giá và cập nhật hàng năm. Việc theo dõi và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được triển khai trong suốt quá trình học tập. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học được thực hiện chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai một cách có hệ thống. Các chính sách, quy định đối với sinh viên được công bố công khai với nhiều hình thức. Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của trường tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.

9. Hệ thống phòng học, phòng thực hành với các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện gồm cả thư viện truyền thống và thư viện số có đa dạng nguồn thông tin, tài liệu và luôn được cập nhật. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, internet và các phần mềm do

Trường tự xây dựng đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được đảm bảo.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra được thiết lập và cập nhật, cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định cụ thể, được đánh giá và cải tiến.

11. Công tác giám sát, xác lập và cập nhật danh sách sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được thực hiện tương đối tốt; đã phân tích, đối sánh giữa các CTĐT trong Trường để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp sinh viên tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được quan tâm thực hiện thường xuyên, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và làm việc phù hợp với ngành đào tạo khá cao. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ và kết quả khảo sát đã được Khoa/các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Cập nhật mục tiêu CTĐT theo bối cảnh mới, nhất là kỹ năng khởi nghiệp và ứng dụng công nghệ số, bổ sung mục tiêu cụ thể và thực hiện khảo sát nhu cầu/yêu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT để có thêm cơ sở điều chỉnh mục tiêu CTĐT. Sử dụng các động từ trong mô tả các chuẩn đầu ra; lồng ghép và làm rõ chuẩn đầu ra về kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng quản lý và đánh giá. Làm rõ việc sử dụng kết quả đối sánh với chuẩn đầu ra của các CTĐT ngành Thương mại điện tử của các trường đại học trong và ngoài nước để cải tiến; tăng cường truyền thông về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cho người học.

2. Bổ sung đầy đủ các thông tin về thời lượng học tập lý thuyết, thực hành, thảo luận, thực tập, tự học... trong nội dung và kế hoạch giảng dạy; rà soát, hoàn thiện bảng ma trận chuẩn đầu ra - học phần phản ánh mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo các chuẩn đầu ra được phân bổ hợp lý các học phần. Hoàn thiện ma trận liên hệ giữa chuẩn đầu ra - học phần và chuẩn đầu ra - CTĐT, làm rõ mức đóng góp các học phần vào các chuẩn đầu ra. Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về khả năng tiếp cận bản mô tả CTĐT để có cơ sở cải tiến các nội dung chính của CTĐT và đề cương học phần ngành Thương mại điện tử, đảm bảo các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Định kỳ đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của tổ hợp các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra. Rà soát bảng ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần, làm rõ cấp độ/mức độ đóng góp của các học phần và các PLO của CTĐT. Hoàn thiện bảng “Mức độ đóng góp của học phần với chuẩn đầu ra - CTĐT” trong tất cả các đề cương học phần cho phù hợp; rà soát các chuẩn đầu ra của tất cả các đề cương học phần, có thể đo lường được. Tăng cường tính liên ngành, xuyên ngành của CTĐT trên cơ sở tích hợp sâu các học phần kinh doanh, quản lý với các học phần công nghệ thông tin và công nghệ số; bổ sung các học phần về khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh tế số, công nghệ số trong thương mại điện tử...; làm rõ việc sử dụng kết quả đối sánh các nội dung học phần với các CTĐT tương đương ở các trường đại học trong và ngoài nước để cải tiến CTĐT.

4. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là của giảng viên và người học về mức độ áp dụng triết lý giáo dục trong dạy và học cũng như ý kiến đóng góp cụ thể để bổ sung vào nội hàm triết lý giáo dục, nhất là triết lý giáo dục thực học và thực nghiệp. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm về cách thức lồng ghép triết lý giáo dục vào hoạt động giảng dạy và học tập nhằm chia sẻ và lan tỏa những kinh nghiệm cụ thể hóa triết lý giáo dục sâu rộng trong Trường và Khoa Kinh tế vận tải. Bổ sung nội dung trong mục phương pháp giảng dạy và học tập của một số đề cương học phần các hoạt động học/làm việc/thảo luận theo nhóm, case-studies/xử lý tình huống, đóng vai, học theo dự án, các phương pháp học hợp tác/tích cực. Có giải pháp tăng cường số người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.

5. Có quy trình/tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức chọn lựa phương pháp, công cụ, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với từng loại chuẩn đầu ra, rubric đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng mềm và thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm. Điều chỉnh, bổ sung các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù môn học, xây dựng các tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá cho từng học phần. Xây dựng quy định cụ thể về việc phản hồi của người học đối với kiểm tra giữa kỳ, đánh giá quá trình, lấy ý kiến cụ thể của người học và giảng viên để có cơ sở cải tiến; rà soát quy trình chấm thi kết thúc học phần và thông báo điểm cho người học đúng quy định. Lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ chế, quy trình khiếu nại, phúc khảo để có cơ sở cải tiến; xem xét cho người học biết đáp án hoặc được giải đáp thắc mắc sau khi được chấm điểm phúc khảo để người học được biết nguyên nhân tăng giảm hay không được điều chỉnh điểm.

6. Dự báo đội ngũ giảng viên theo từng ngành trong chiến lược phát triển Trường để làm cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và tăng tỷ lệ giảng viên trình độ tiến sĩ và học hàm giáo sư, phó giáo sư. Bổ sung quy định cụ thể về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên. Xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên. Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên; khảo sát đánh giá sau đào tạo của các khóa bồi dưỡng để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng. Tăng cường việc đăng ký sở hữu trí tuệ, có hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo

dục trong và ngoài nước. Phát triển phần mềm quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học tổng thể để thuận lợi cho việc giám sát, đánh giá hàng năm.

7. Đưa đầy đủ nội dung quy hoạch, xây dựng đội ngũ nhân viên vào trong văn bản cấp Chiến lược, có lộ trình thực hiện trong từng năm phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường là từng bước phát triển trở thành đại học thông minh và chuyển đổi số. Phân tích, đánh giá hiệu quả công tác thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng ngũ nhân viên. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản về quy hoạch, xây dựng, phát triển đội ngũ nhân viên theo hướng tích hợp đảm bảo tính hệ thống và cập nhật của các văn bản.

8. Có các giải pháp để duy trì và nâng cao số lượng, chất lượng tuyển sinh. Tìm hiểu thế mạnh khác biệt và nổi bật của sinh viên ngành Thương mại điện tử của Trường. Thực hiện thường xuyên việc lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan để xây dựng hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ và xây dựng quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên. Hàng năm, có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của sinh viên. Xây dựng và ban hành quy trình phối hợp giữa các đơn vị và cán bộ chuyên trách để tổ chức tốt hơn công tác hỗ trợ và dịch vụ cho sinh viên, trong đó quan tâm việc đào tạo các kỹ năng mềm cho sinh viên. Rà soát chỉnh sửa quy định về văn hoá học đường và quy tắc ứng xử văn hoá của Nhà trường bảo đảm ngắn gọn dễ nhớ, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Chú trọng và nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ, tư vấn tâm lý cho sinh viên.

9. Có phương án xây dựng phần diện tích đất mới hoặc có kế hoạch đào tạo hàng năm phù hợp giữa các cơ sở của Trường để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên và vui chơi, thể thao cho người học tại cơ sở Hà Nội theo quy định; sửa chữa, bổ sung kịp thời các trang thiết bị phòng học đáp ứng việc học tập cho người học. Đầu tư vật lực, nguồn lực và có chính sách thực tế hơn nữa giúp khai thác hiệu quả các các giá trị trong tiềm năng của Trung tâm Công nghệ thông tin - Thư viện để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác và phục vụ cộng đồng. Thường xuyên bổ sung, sửa chữa, mua mới một số máy tính có cấu hình cao và phần mềm cập nhật để đáp ứng tốt hơn cho học tập và nghiên cứu của người học. Có lộ trình xúc tiến nhanh đề án chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành đại học số, đại học thông minh. Ban hành Quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành; cần tổ chức định kỳ khám sức khỏe ít nhất 01 lần/năm và triển khai thực hiện tư vấn tâm lý cho người học.

10. Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị. Xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ để các Bộ môn/Khoa dễ dàng thực hiện. Chỉnh sửa, hoàn thiện các mẫu phiếu điều tra cho thống nhất cho từng đối tượng, cải tiến phương pháp lấy ý kiến sao cho thu thập được những ý kiến có giá trị. Trong nghiên cứu khoa học cần lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT.

11. Quy định cụ thể hơn về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa đào tạo. Quan tâm đến các giải pháp hữu hiệu để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình và giảm tỷ lệ sinh viên thôi học. Đổi mới cơ chế, chính sách để khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên. Đổi mới công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để dữ liệu khảo sát thực sự có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao chất lượng của CTĐT. Kết quả khảo sát cần được tách riêng theo CTĐT. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra để thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học về chất lượng sinh viên tốt nghiệp của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.